

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT  
TRÙNG VIỆT NAM

VIETNAM PESTICIDE JOINT  
STOCK COMPANY

Số/No.: 157/CV-TST

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận năm  
2025 so với cùng kỳ năm  
trước./Explanation of profit fluctuations in  
2025 compared to the same period last  
year.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

TP HCM, ngày 09 tháng 03 năm 2026  
Ho Chi Minh City, March 09, 2026

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Hochiminh Stock  
Exchange

Tên tổ chức / Organization name: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG  
VIỆT NAM/ VIETNAM PESTICIDE JOINT STOCK COMPANY.

Mã chứng khoán/ Securities Symbol: VPS

Địa chỉ trụ sở chính: 102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ  
Chí Minh.

Address: 102 Nguyen Dinh Chieu, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City.

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính  
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán./Follow Circular No.  
96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding  
information disclosure on the stock market.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Công ty cổ phần  
Thuốc sát trùng Việt Nam./Based on the separate and consolidated financial  
statements in 2025 of Vietnam Pesticide Joint Stock Company.

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp  
chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, như sau:/We would like to explain the  
case where the profit after tax differs by more than 10% compared to the same period  
last year, as follows:

#### SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG/SEPARATELY REPORT DATA

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	614.446.227.870	570.428.779.104	44.017.448.766	7,7%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	25.138.837.255	33.616.532.119	(8.477.694.864)	-25,2%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	589.307.390.615	536.812.246.985	52.495.143.630	9,8%
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	429.455.420.470	359.720.988.377	69.734.432.093	19,4%



Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	159.851.970.145	177.091.258.608	(17.239.288.463)	-9,7%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	5.312.595.156	3.282.474.992	2.030.120.164	61,8%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	11.507.563.106	18.361.761.129	(6.854.198.023)	-37,3%
8	Chi phí bán hàng/Selling expense	69.633.354.901	82.108.417.754	(12.475.062.853)	-15,2%
9	Chi phí quản lý/Administrative expenses	60.477.054.147	56.517.092.230	3.959.961.917	7,0%
10	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	23.546.593.147	23.386.462.487	160.130.660	0,7%
11	Lợi nhuận khác/Other income	5.725.183.320	435.432.362	5.289.750.958	1214,8%
12	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	29.271.776.467	23.821.894.849	5.449.881.618	22,9%
13	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	23.946.793.676	18.100.110.612	5.846.683.064	32,3%

Doanh thu tăng 7,7%, tuy nhiên lợi nhuận gộp giảm 9,7% so với cùng kỳ do ảnh hưởng của nhóm sản phẩm thương mại.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng 61,8% do khoản được chia từ công ty con, chi phí tài chính giảm 37,3%, chi phí bán hàng giảm 15,2%, bên cạnh đó, trong kỳ báo cáo năm nay, Công ty ghi nhận lợi nhuận khác 5,7 tỷ đồng, trong đó 5,4 tỷ đồng là khoản bồi thường của cơ quan nhà nước khi thu hồi đất tại Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Những yếu tố trên giúp cho lợi nhuận sau thuế thể hiện trong báo cáo tài chính riêng cao hơn năm trước 10%.

Sale revenue increased by 7.7% year-on-year. However, gross profit decreased by 9.7% compared to the same period last year, mainly due to the impact of the trading product segment.

Financial income increased by 61.8%, primarily due to profit distribution received from a subsidiary. At the same time, financial expenses decreased by 37.3% and selling expenses decreased by 15.2% year-on-year.

In addition, during the current reporting period, the Company recorded other income of VND 5.7 billion, of which VND 5.4 billion relates to compensation received from a state authority for land acquisition in Bau Bang, Binh Duong Province.

These factors were the main reasons for a year-on-year increase of 10% in profit after tax as presented in the Separate Financial Statements.

## SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT/CONSOLIDATED REPORT DATA

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	658.950.746.910	607.118.128.554	51.832.618.356	8,5%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	25.183.184.455	34.322.651.799	(9.139.467.344)	-26,6%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	633.767.562.455	572.795.476.755	60.972.085.700	10,6%
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	463.464.398.548	384.883.622.289	78.580.776.259	20,4%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	170.303.163.907	187.911.854.466	(17.608.690.559)	-9,4%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	3.210.038.669	4.068.727.608	(858.688.939)	-21,1%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	11.738.402.734	13.932.163.532	(2.193.760.798)	-15,7%
8	Lãi hoặc lỗ trong công ty L.doanh, L.kết/Share of joint ventures and associates' profit or loss	(661.252.360)	(929.693.488)	268.441.128	-28,9%
9	Chi phí bán hàng/Selling expense	70.830.977.173	83.526.012.772	(12.695.035.599)	-15,2%
10	Chi phí quản lý/Administrative expenses	65.235.802.191	61.373.103.541	3.862.698.650	6,3%
11	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	25.046.768.118	32.219.608.741	(7.172.840.623)	-22,3%
12	Lợi nhuận khác/Other income	5.724.556.630	426.469.997	5.298.086.633	1242,3%
13	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	30.771.324.748	32.646.078.738	(1.874.753.990)	-5,7%
14	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	24.395.731.525	24.919.135.149	(523.403.624)	-2,1%

Doanh thu tiêu thụ tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp giảm 9,4% do ảnh hưởng từ nhóm sản phẩm thương mại. Mặc dù chi phí tài chính giảm 15,7% và chi phí bán hàng giảm 15,2%, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh vẫn giảm 22,3% so với cùng kỳ.

Trong kỳ báo cáo, lợi nhuận khác tăng 5,3 tỷ đồng (trong đó 5,4 tỷ đồng là khoản doanh thu khác ghi nhận từ tiền bồi thường của cơ quan nhà nước liên quan đến việc thu hồi đất tại Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

Nhờ các yếu tố nêu trên, lợi nhuận sau thuế chỉ giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

Sales revenue increased by 8.5% year-on-year. However, gross profit decreased by 9.4% due to the impact of the trading product segment. Although financial expenses decreased by 15.7% and selling expenses decreased by 15.2%, profit from operating activities still declined by 22.3% compared to the same period last year.

During the reporting period, other profit increased by VND 5.3 billion, of which VND 5.4 billion relates to other income recognized from compensation received from a state authority for land acquisition in Bau Bang, Binh Duong Province.

As a result of the above factors, profit after tax decreased by only 2.1% year-on-year.

Trân trọng/Best regards. 

**Nơi nhận/Recipient:**

- Như trên/ As above;
- Lưu: Văn thư, Phòng kế toán  
/Archives: Admin Office, Accountant Dept.

**Tổng giám đốc**  
**General Director** 



Nguyễn Thân

